

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 28-3-2024  
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Thanh Hải.
- Ông Nguyễn Tuấn Lam.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Diễm H, sinh ngày 24/02/1999. Địa chỉ cư trú: tổ A, ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.
- Bị đơn:** Anh Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 24/6/1998. Nơi đăng ký thường trú: ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Chỗ ở hiện nay: tổ A, ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2023, trong quá trình tiến hành tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Diễm H, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H1 cưới nhau vào năm 2017, không nhớ ngày tháng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng

**Tháp**. Hôn nhân do quen biết trước, sau khi cưới chị và anh **H1** cùng sinh sống bên gia đình chị, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 6 năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chung sống không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân do anh **H1** không chăm lo cho gia đình, anh **H1** ngày nào cũng đi nhậu (uống rượu, bia), có khi không về nhà ngủ, anh **H1** còn đi ngủ với người phụ nữ khác ở khách sạn, chị biết được là do anh **H1** và người phụ nữ ở với anh **H1** nhắn tin cho chị hay. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Chị và anh **H1** hiện vẫn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm ai, mạnh ai nấy sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh **Nguyễn Thanh H1**.

2. Về việc nuôi con: Khi nộp đơn khởi kiện, chị trình bày vợ chồng chung sống không có con chung nhưng hiện tại (ngày 02/02/2024) chị đang mang thai được tháng thứ 7, chị cũng từng suy nghĩ rất nhiều, đợi sinh con chung ra, đặt tên con thì chị làm đơn xin ly hôn với anh **H1**. Tuy nhiên, quá trình chị mang thai anh **H1** không quan tâm, chăm sóc cho chị và con chung mà có tình cảm với người phụ nữ khác, nếu tiếp tục chung sống cùng anh **H1** thì tinh thần của chị sẽ bị tổn thương nhiều hơn nên chị trình bày con chung không có, khi nào chị sinh con ra, chị sẽ tự nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh **H1** cấp dưỡng nuôi con nên về con chung chị và anh **H1** không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tài sản chung: Chị và anh **H1** chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị và anh **H1** chung sống không có thiếu nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải.

Trong quá trình tiến hành tố tụng bị đơn anh **Nguyễn Thanh H1** đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh **H1** vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị **Trần Thị Diễm H** được ly hôn với anh **Nguyễn**

**Thanh H1**, về nuôi con chung đương sự không yêu cầu, tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị **Trần Thị Diễm H** có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị với anh **Nguyễn Thanh H1**. Hiện anh **H1** đang cư trú tại **xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị **Trần Thị Diễm H** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh **Nguyễn Thanh H1** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng anh **H1** vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị **H**, anh **H1** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa chị **Trần Thị Diễm H** và anh **Nguyễn Thanh H1** được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 143, ngày 29/8/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy, chị **Trần Thị Diễm H** và anh **Nguyễn Thanh H1** chung sống mâu thuẫn với nhau là có thật, vì nguyên nhân do anh **H1** không chăm lo cho gia đình, thường xuyên uống rượu, bia, có khi không về nhà ngủ, anh **H1** còn đi ngủ với người phụ nữ khác ở khách sạn, vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không quan tâm chăm lo cho nhau. Nhận thấy, khi Tòa án tiến hành hòa giải cho chị **H**, anh **H1** được đoàn tụ nhưng chị **H** vẫn cương quyết ly hôn với anh **H1**, anh **H1** đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy mời tham gia hòa giải, thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh **H1** cũng không đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm với chị **H**, cũng không có văn bản gửi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị **H**, điều này cho thấy anh **H1** không có thiện chí để đoàn tụ với chị **H**. Xét, trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm,

chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và phải có nghĩa vụ sống chung cùng nhau. Nhận thấy, hôn nhân giữa chị H, anh H1 không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Trần Thị Diễm H được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về việc nuôi con: Trong quá trình tiến hành tố tụng chị H trình bày chị đang mang thai, tuy nhiên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu có tranh chấp thì sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác là phù hợp với quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Trần Thị Diễm H chịu 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0004606 ngày 19/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Diễm H. Cho chị Trần Thị Diễm H được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H1.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Trần Thị Diễm H** chịu 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0004606 ngày 19/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký)

**Nguyễn Thị Thùy Dung**